

CHUYÊN ĐỀ : PHÂN SỐ**A. LÝ THUYẾT**

1. Phân số bằng nhau: hai phân số $\frac{a}{b}$ và $\frac{c}{d}$ gọi là bằng nhau nếu $a.d = b.c$

2. Quy đồng mẫu nhiều phân số: Quy đồng mẫu các **phân số có mẫu dương** ta làm như sau:

Bước 1: Tìm một BC của các mẫu (thường là BCNN) để làm mẫu chung.

Bước 2: Tìm thừa số phụ của mỗi mẫu (bằng cách chia mẫu chung cho từng mẫu).

Bước 3: Nhân tử và mẫu của mỗi phân số với thừa số phụ tương ứng

3. So sánh hai phân số:

* Trong hai phân số có cùng mẫu dương, phân số nào có tử lớn hơn thì lớn hơn, tức là:

$$\left. \begin{array}{l} a > b \\ m > 0 \end{array} \right\} \Rightarrow \frac{a}{m} > \frac{b}{m}$$

* Muốn so sánh hai phân số không cùng mẫu, ta viết chúng dưới dạng hai phân số có cùng mẫu dương rồi so sánh các tử với nhau: phân số nào có tử lớn hơn thì lớn hơn.

4. Phép cộng phân số:

* *Cộng hai phân số cùng mẫu:* Muốn cộng hai phân số cùng mẫu, ta cộng các tử và giữ nguyên mẫu,

$$\text{tức là: } \frac{a}{m} + \frac{b}{m} = \frac{a+b}{m}$$

* *Cộng hai phân số không cùng mẫu:* Muốn cộng hai phân số không cùng mẫu, ta viết chúng dưới dạng hai phân số có cùng một mẫu rồi cộng các tử và giữ nguyên mẫu chung.

5. Phép trừ phân số: Muốn trừ một phân số cho một phân số, ta cộng số bị trừ với số đối của số trừ:

$$\frac{a}{b} - \frac{c}{d} = \frac{a}{b} + \left(-\frac{c}{d}\right)$$

6. Phép nhân phân số: Muốn nhân hai phân số, ta nhân các tử với nhau và nhân các mẫu với nhau, tức là:

$$\frac{a}{b} \cdot \frac{c}{d} = \frac{a.c}{b.d}$$

7. Phép chia phân số: Muốn chia một phân số hay một số nguyên cho một phân số, ta nhân số bị chia

với số nghịch đảo của số chia, tức là: $\frac{a}{b} : \frac{c}{d} = \frac{a}{b} \cdot \frac{d}{c} = \frac{a.d}{b.c}$; $a : \frac{c}{d} = a \cdot \frac{d}{c} = \frac{a.d}{c}$ ($c \neq 0$).

→ Hai số nghịch đảo với nhau khi tích của chúng bằng 1

8. Tìm giá trị phân số của một số cho trước: Muốn tìm $\frac{m}{n}$ của số b cho trước, ta tính $b \cdot \frac{m}{n}$ ($m, n \in \mathbb{N}$, $n \neq 0$).

9. Tìm một số biết giá trị một PS của nó: Muốn tìm 1 số biết $\frac{m}{n}$ của nó bằng a, ta tính $a : \frac{m}{n}$ ($m, n \in \mathbb{N}^*$)

10. Tìm tỉ số của hai số: Muốn tìm tỉ số phần trăm của hai số a và b, ta nhân a với 100 rồi chia cho b

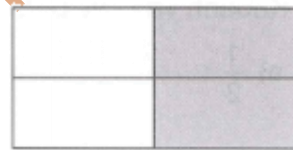
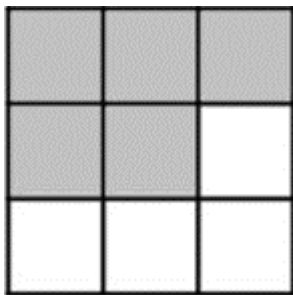
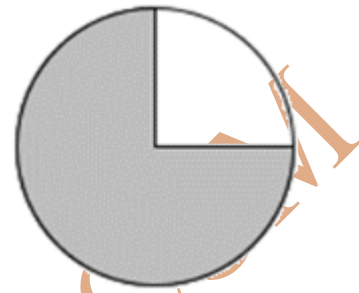
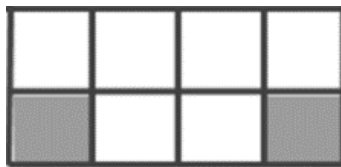
và viết kí hiệu % vào kết quả: $\frac{a.100}{b}\%$

11. Biểu đồ phần trăm: Dạng cột, dạng ô vuông, dạng hình quạt

B. BÀI TẬP ÁP DỤNG

Dạng 1. Biểu diễn phân số

Bài 1: Phần tô màu trong hình biểu diễn phân số nào?



Bài 2: Biểu diễn các phân số sau dưới dạng hình vẽ. $\frac{2}{4}; \frac{1}{3}; \frac{3}{6}; \frac{3}{5}; \frac{1}{4}$

Dạng 2. Chứng minh cặp phân số bằng nhau

Bài 1: Chứng tỏ rằng các phân số sau đây bằng nhau:

a) $\frac{25}{53}; \frac{2525}{5353}$ và $\frac{252525}{535353}$

b) $\frac{37}{41}; \frac{3737}{4141}$ và $\frac{373737}{414141}$

Bài 2: Tìm phân số bằng phân số $\frac{11}{13}$ và biết rằng hiệu của mẫu và tử của nó bằng 6.

Bài 3: Điền số thích hợp vào ô vuông

a) $\frac{1}{2} = \frac{\square}{\square}$

b) $\frac{5}{-7} = \frac{\square}{\square} = \frac{\square}{\square}$

Bài 4: Tổng của tử và mẫu của phân số bằng 4812. Sau khi rút gọn phân số đó ta được phân số $\frac{5}{7}$. Hãy tìm phân số chưa rút gọn.

c) Lớn hơn phân số $\frac{1}{5}$ và bé hơn phân số $\frac{1}{4}$.

Bài 9: Viết 3 phân số khác nhau có cùng mẫu số mà mỗi phân số đó:

- a) Lớn hơn phân số $\frac{1}{5}$.
 b) Bé hơn phân số $\frac{1}{4}$.
 c) Lớn hơn phân số $\frac{1}{5}$ và bé hơn phân số $\frac{1}{4}$.

Bài 10: Tìm các phân số bằng nhau trong các phân số sau:

$$\frac{3}{4} \quad \frac{5}{7} \quad \frac{9}{12} \quad \frac{15}{21} \quad \frac{30}{42} \quad \frac{27}{36}$$

Bài 11: Khoanh vào phân số bằng phân số $\frac{6}{14}$:

$$\frac{9}{20} \quad \frac{12}{28} \quad \frac{13}{21} \quad \frac{15}{35} \quad \frac{18}{35}$$

Bài 12: Viết tất cả các phân số bằng phân số $\frac{4}{12}$ sao cho mẫu số nhỏ hơn 30.

Dạng 4. Thực hiện phép tính với số hữu tỉ

Bài 1: Thực hiện phép tính (hợp lí nếu có thể)

a) $\frac{2}{7} + \frac{-3}{8} + \frac{11}{7} + \frac{1}{3} + \frac{1}{7} + \frac{5}{-8}$

b) $\frac{-3}{8} + \frac{12}{25} + \frac{5}{-8} + \frac{2}{-5} + \frac{13}{25}$

c) $\frac{7}{8} + \frac{1}{8} \cdot \frac{3}{8} + \frac{1}{8} \cdot \frac{5}{8}$

d) $\frac{-5}{6} \cdot \frac{4}{19} + \frac{-7}{12} \cdot \frac{4}{19} - \frac{40}{57}$

e) $\frac{3}{7} \cdot \frac{9}{26} - \frac{1}{14} \cdot \frac{1}{13} - \frac{1}{7}$

f) $\left(\frac{2}{3} - \frac{1}{4} + \frac{5}{11}\right) : \left(\frac{5}{12} + 1 - \frac{7}{11}\right)$

g) $\frac{4}{9} : \left(-\frac{1}{7}\right) + 6 \cdot \frac{5}{9} : \left(-\frac{1}{7}\right)$

h) $1 \frac{5}{18} - \frac{5}{18} : \left(\frac{1}{15} + 1 \frac{1}{12}\right)$

i) $\frac{-1}{7} \cdot \left(9 \frac{1}{2} - 8,75\right) : \frac{2}{7} + 62,5\% : 1 \frac{2}{3}$

j) $1 \frac{13}{15} \cdot 0,75 - \left(\frac{8}{15} + 25\%\right)$

k) $0,75 - \frac{43}{80} : \left(\frac{-4}{5} + 2,5 \cdot \frac{3}{4}\right)$

l) $\frac{-5}{8} \cdot \left(\frac{4}{9} + \frac{-7}{12}\right)$

m) $\frac{-5}{8} \cdot \frac{5}{12} + \frac{-5}{8} \cdot \frac{7}{12} + 2 \frac{1}{8}$

n) $25\% - 1 \frac{1}{2} + 0,5 \cdot \frac{12}{5}$

Bài 2: Rút gọn các phân số sau

a) $\frac{125}{1000}$

c) $\frac{2^3 \cdot 3^4}{2^2 \cdot 3^2 \cdot 5}$

b) $\frac{198}{126}$

d) $\frac{121 \cdot 120}{60 \cdot 11}$

Bài 3: Thực hiện phép tính

a) $\frac{-1}{21} + \frac{-1}{28} - \frac{-1}{21} - \frac{3}{14}$

b) $\left(\frac{-1}{5} + \frac{3}{12}\right) + \frac{-3}{4}$

c) $75\% - 1 \frac{1}{2} + 0,5 : \frac{5}{12}$

d) $\frac{-4}{11} \cdot \frac{2}{5} + \frac{6}{11} \cdot \frac{(-3)}{10}$

e) $\left(\frac{2}{3} - 1 \frac{1}{2}\right) : \frac{4}{3} + \frac{1}{2}$

f) $\frac{1}{8} \cdot 15 \frac{2}{5} + 1 \frac{4}{5} \cdot \frac{1}{8} - 17 \frac{1}{5} \cdot \frac{1}{8}$

g) $\frac{1}{7} - \frac{8}{7} : 8 - 3 : \frac{3}{4} \cdot (-2)^2$

Bài 4: Quy đồng các phân số sau:

a) $\frac{-1}{6}$ và $\frac{-3}{12}$ và $\frac{7}{-24}$

b) $\frac{1}{3}; \frac{2}{7}; \frac{-5}{14}; \frac{9}{-2}$

Bài 5: So sánh các phân số sau:

a) $\frac{-3}{5}$ và $\frac{39}{-65}$

b) $\frac{-5}{2}, \frac{-1}{6}, \frac{4}{3}$

c) $\frac{1}{2.3}$ và $\frac{1}{2} - \frac{1}{3}$

d) $\frac{1}{1.2} + \frac{1}{2.3} + \frac{1}{3.4} + \dots + \frac{1}{2008.2009}$ và 1

Bài 6: Thực hiện phép tính

a) $\frac{3}{5} + \frac{4}{15}$

b) $\frac{-3}{5} + \frac{5}{7}$

c) $\frac{5}{6} : \frac{-7}{12}$

d) $\frac{-21}{24} : \frac{-14}{8}$

e) $\frac{5}{12} - \frac{-7}{6}$

f) $\frac{-15}{16} \cdot \frac{8}{-25}$

g) $\frac{3}{5} - \frac{-7}{10} - \frac{13}{-20}$

h) $\frac{1}{2} + \frac{1}{-3} + \frac{1}{4} - \frac{-1}{6}$

Bài 7: Tính giá trị các biểu thức sau

a) $\frac{2}{3} + \frac{1}{3} \cdot \left(\frac{-4}{9} + \frac{5}{6} \right) : \frac{7}{12}$

b) $\frac{2}{5} + \frac{3}{5} : \left(\frac{3}{5} + \frac{-2}{3} \right) - 3\frac{1}{2}$

c) $\left(4 - \frac{5}{12} \right) : 3 + \frac{7}{36}$

d) $\left(15 - 6\frac{13}{18} \right) : 11\frac{1}{27} - 2\frac{1}{8} : 1\frac{11}{40}$

e) $(-3,2) \cdot \frac{-15}{64} + \left(0,8 - 2\frac{4}{15} \right) : 3\frac{2}{3}$

Bài 8: Tính nhanh

a) $15\frac{3}{13} - \left(3\frac{4}{7} + 8\frac{3}{13} \right)$

b) $\left(7\frac{4}{9} + 4\frac{7}{11} \right) - 3\frac{4}{9}$

c) $\frac{-7}{9} \cdot \frac{4}{11} + \frac{-7}{9} \cdot \frac{7}{11} + 5\frac{7}{9}$

d) $50\% \cdot 1\frac{1}{3} \cdot 10 \cdot \frac{7}{35} \cdot 0,75$

e) $\frac{3}{1.4} + \frac{3}{4.7} + \frac{3}{7.10} + \dots + \frac{3}{40.43}$

Bài 9: Tính nhanh

a) $6\frac{4}{5} - \left(1\frac{2}{3} + 3\frac{4}{5} \right)$

b) $7\frac{5}{9} - \left(2\frac{3}{4} + 3\frac{5}{9} \right)$

c) $\frac{-3}{5} \cdot \frac{5}{7} + \frac{-3}{5} \cdot \frac{3}{7} + \frac{-3}{5} \cdot \frac{6}{7}$

d) $\frac{1}{3} \cdot \frac{4}{5} + \frac{1}{3} \cdot \frac{6}{5} - \frac{4}{3}$

e) $6\frac{4}{5} - \left(1\frac{2}{3} + 3\frac{4}{5} \right)$

f) $6\frac{5}{7} - \left(1\frac{3}{4} + 2\frac{5}{7} \right)$

g) $7\frac{5}{9} - \left(2\frac{3}{4} + 3\frac{5}{9} \right)$

h) $7\frac{5}{11} - \left(2\frac{3}{7} + 3\frac{5}{11} \right)$

i) $\frac{-3}{5} \cdot \frac{5}{7} + \frac{-3}{5} \cdot \frac{3}{7} + \frac{-3}{5} \cdot \frac{6}{7}$

j) $\frac{1}{3} \cdot \frac{4}{5} + \frac{1}{3} \cdot \frac{6}{5} - \frac{4}{3}$

j) $\frac{4}{19} \cdot \frac{-3}{7} + \frac{-3}{7} \cdot \frac{15}{19} + \frac{5}{7}$

k) $\frac{5}{9} \cdot \frac{7}{13} + \frac{5}{9} \cdot \frac{9}{13} - \frac{5}{9} \cdot \frac{3}{13}$

l) $\left(\frac{-4}{5} + \frac{4}{3}\right) + \left(\frac{-5}{4} + \frac{14}{5}\right) - \frac{7}{3}$

m) $\frac{8}{3} \cdot \frac{2}{5} \cdot \frac{3}{8} \cdot 10 \cdot \frac{19}{92}$

n) $\frac{-5}{7} \cdot \frac{2}{11} + \frac{-5}{7} \cdot \frac{9}{14} + 1\frac{5}{7}$

Bài 12: Tính nhanh:

a) $15 \times \frac{2121}{4343} + 15 \times \frac{222222}{434343}$

b) $\frac{16 \times 25 + 44 \times 100}{29 \times 96 + 142 \times 48}$

c) $\frac{1994 \times 1993 - 1992 \times 1993}{1992 \times 1993 + 1994 \times 7 + 1986}$

Bài 13: Tính nhanh:

a) $\frac{399 \times 45 + 55 \times 399}{1995 \times 1996 - 1991 \times 1995}$

c) $\frac{637 \times 527 - 189}{526 \times 637 + 448}$

b) $\frac{1996 \times 1995 - 996}{1000 + 1996 \times 1994}$

d) $\frac{677 \times 874 + 251}{678 \times 874 - 623}$

Bài 14: Rút gọn các phân số sau

a) $\frac{-10}{25}$

c) $\frac{15.8 + 15.4}{12.3}$

b) $\frac{-9}{-27}$

d) $\frac{2 \cdot (-13) \cdot 9 \cdot 10}{(-3) \cdot 4 \cdot (-5) \cdot 26}$

Bài 15: Tính giá trị các biểu thức sau

$$A = a \cdot \frac{1}{3} + a \cdot \frac{1}{4} - a \cdot \frac{1}{6} \text{ với } a = \frac{-3}{5}$$

$$B = b \cdot \frac{5}{6} + b \cdot \frac{3}{4} - b \cdot \frac{1}{2} \text{ với } b = \frac{12}{13}$$

$$C = c \cdot \frac{2}{3} + c \cdot \frac{3}{4} - c \cdot \frac{17}{12} \text{ với } c = \frac{2009}{2010}$$

Dạng 5. Tìm số hạng chưa biết**Bài 1:** Tìm x

a) $x = \frac{3}{4} + \frac{1}{-12}$

b) $\frac{x}{14} = \frac{1}{7} + \frac{-3}{14}$

c) $\frac{-1}{2} - x = \frac{1}{3} - \frac{1}{-4}$

d) $\frac{1}{3} + \frac{1}{2} : x = -4$

e) $\frac{27}{45} - (0,75 - 2x) = -2\frac{28}{35}$

f) $3x - 30\%x = -5,4$

Bài 2: Tìm tất cả các số nguyên x biết:

a) $-2 < x < 0$

b) $\frac{-1}{2} < \frac{x}{2} < 0$

c) $-\frac{1}{3} < \frac{x}{6} < \frac{1}{6}$

d) $|x| \leq 3$

Bài 3: Cho $A = \frac{2}{x-1}$

- a) Tìm điều kiện của x để A là một phân số?
 b) Tìm A khi $x = 2$; $x = -3$?
 c) Tìm điều kiện của x để A là một số nguyên? ($A \in \mathbb{Z}$)

Bài 4: Tìm x biết:

a) $\frac{x}{5} = \frac{-3}{10}$

b) $2\frac{2}{3}x + \frac{8}{3} = 3\frac{1}{3}$

c) $3 - \left(\frac{1}{6} - x\right) = \frac{2}{3}$

d) $\frac{5}{6} - x = \frac{-7}{12} + \frac{2}{3}$

e) $x - 43 = (57 - x) - 50$

f) $\left|x - \frac{1}{3}\right| = \frac{1}{2}$

g) $3\frac{1}{3}x + 16 = 13,25$

h) $\frac{2}{3} + x = -45\%$

i) $\frac{4}{5} + x = \frac{2}{3}$

j) $\frac{-5}{6} - x = \frac{2}{3}$

k) $\frac{3}{8} - \frac{1}{6}x = \frac{1}{4}$

Bài 5: Tìm x, biết

a) $\frac{2}{3} + \frac{1}{3} : x = \frac{3}{5}$

b) $x + 30\% x = -1,3$

c) $3\frac{1}{3}x + 16\frac{3}{4} = -13,25$

d) $\left(2\frac{4}{5}x - 50\right) : \frac{2}{3} = 51$

e) $|2x - 1| = (-4)^2$

Bài 6: Tìm x trong tỉ lệ thức sau

a) $-0,52 : x = -9,36 : 16,38$

c) $\frac{x}{-15} = \frac{-60}{x}$

b) $\frac{x-3}{5-x} = \frac{5}{7}$

d) $\frac{2x-3}{2} = \frac{x-1}{5}$

e) $\left(152\frac{2}{4} - 148\frac{3}{8}\right) : 0,2 = x : 0,3$

g) $\left[\left(6\frac{3}{5} - 3\frac{3}{14}\right) \cdot 2,5\right] : (21 - 1,25) = x : 5\frac{5}{6}$

f) $\left(85\frac{7}{30} - 83\frac{5}{18}\right) : 2\frac{2}{3} = 0,01x : 4$

h) $\left(4 - \frac{3}{4}\right) : \left(2\frac{1}{3} - 1\frac{1}{9}\right) = 31x : \left(45\frac{10}{63} - 44\frac{25}{84}\right)$

Dạng 6: Tìm giá trị phân số thỏa mãn điều kiện**Bài 1:** Tìm phân số bằng phân số $\frac{3}{5}$ biết rằng hiệu của tử số trừ đi mẫu số của phân số đó bằng 8.**Bài 2:** Tìm phân số bằng phân số $\frac{2}{3}$ biết rằng tổng của tử số và mẫu số của phân số đó bằng 15.**Bài 3:** Tìm một số, biết rằng lấy số đó cộng với $\frac{4}{5}$ rồi trừ đi $\frac{1}{4}$ thì được kết quả là $\frac{7}{10}$.**Bài 4:** Cho phân số $\frac{18}{27}$. Hỏi để được một phân số bằng phân số $\frac{1}{2}$ thì phải trừ đi ở tử số và mẫu số của phân số đã cho cùng một số tự nhiên nào?

Bài 5: Cho phân số $\frac{2}{11}$. Hỏi phải cộng thêm vào tử số và mẫu số của phân số đó cùng một số tự nhiên nào để được phân số bằng phân số $\frac{4}{7}$?

Bài 6: Cho phân số $\frac{3}{18}$. Hỏi phải thêm vào tử số và bớt ra ở mẫu số cùng một số tự nhiên nào để được phân số $\frac{3}{4}$.

Bài 7: Tìm phân số $\frac{x}{y}$, biết hiệu của x và y bằng 8 và $\frac{x}{y}$ sau khi rút gọn thì bằng $\frac{5}{3}$.

Bài 8: Tìm phân số $\frac{x}{y}$, biết tổng của x và y bằng 15 và $\frac{x}{y}$ sau khi rút gọn thì bằng $\frac{2}{3}$.

Bài 9: Một vườn cây có 160 cây vừa nhãn, vừa vải, vừa xoài. Số cây nhãn chiếm $\frac{3}{8}$ tổng số cây. Số cây vải bằng $\frac{4}{5}$ số cây nhãn. Hỏi vườn đó có bao nhiêu cây xoài?

Bài 10: Một quầy hàng trong ba giờ bán được 44 quả dưa hấu. Giờ đầu bán $\frac{1}{3}$ số dưa và $\frac{1}{3}$ quả. Giờ thứ hai bán được $\frac{1}{3}$ số dưa còn lại và $\frac{1}{3}$ quả. Hỏi giờ thứ 3 bán được bao nhiêu quả?

Bài 11: Một trường có 1320 học sinh ,trong đó tổng số học sinh khối 6 và 7 bằng $\frac{25}{44}$ tổng số học sinh toàn trường. Số học sinh khối 8 chiếm 25% số học sinh toàn trường, còn lại là số học sinh khối 9. Hỏi mỗi khối có bao nhiêu học sinh? Biết tổng số học sinh khối 6 và 8 gấp 2 lần số học sinh khối 7.

Bài 12: Một lớp học chưa đến 50 học sinh. Cuối năm có 30% số học sinh của lớp xếp loại văn hóa giỏi, $\frac{3}{5}$ số học sinh của lớp xếp loại khá. Còn lại là học sinh trung bình. Tính số học sinh trung bình.

Bài 13: Một bể có hai vòi nước, vòi nước thứ nhất chảy vào bể khi không có nước trong 60 phút thì đầy. Vòi thứ 2 tháo nước ra dùng nếu bể đầy nước trong 90 phút thì cạn hết. Sau khi rửa bể và tháo hết nước ra người ta mở cả 2 vòi 1 lúc thì sau 45 phút lượng nước có trong bể là bao nhiêu ?

Bài 14: Một khu vườn hình chữ nhật có diện tích 800m^2 . Nếu giảm chiều dài đi 25% của nó và tăng chiều rộng lên 25% của nó thì diện tích khu vườn tăng hay giảm đi bao nhiêu m^2 ?

Bài 15: Một khu vườn trồng hoa hồng, hoa cúc, hoa đồng tiền. Phần trồng hoa hồng chiếm $\frac{3}{7}$ diện tích vườn. Phần trồng hoa cúc bằng $\frac{5}{14}$ diện tích vườn. Còn lại 90m^2 trồng hoa đồng tiền. Tính diện tích khu vườn.

Bài 16: Tổng số trang của 3 cuốn sách là 680 trang. Số trang ở quyển sách thứ nhất bằng $\frac{2}{3}$ quyển sách thứ ba. Số trang ở quyển sách thứ hai bằng 60% số trang ở quyển sách thứ ba. Tính số trang ở mỗi quyển sách.

Bài 17: Trong thùng có 60 lít xăng .Người ta lấy ra lần thứ nhất $\frac{3}{10}$ và lần thứ hai 40% số lít xăng đó .
Hỏi trong thùng còn lại bao nhiêu lít xăng ?

Bài 18: Lớp 6B có 48 học sinh .Số học sinh giỏi bằng $\frac{1}{6}$ số học sinh cả lớp , Số học sinh trung bình bằng 25% số học sinh cả lớp , còn lại là học sinh khá. Tính số học sinh khá của lớp.

Bài 19: Ba lớp 6 của một trường THCS có 120 học sinh . Số học sinh lớp 6A chiếm 35% số học sinh của khối. Số học sinh lớp 6C chiếm $\frac{3}{10}$ số học sinh của khối, còn lại là học sinh lớp 6B. Tính số học sinh lớp 6B.

Bài 20: Một lớp có 40 học sinh gồm 3 loại: giỏi, khá, trung bình. Số học sinh giỏi chiếm $\frac{1}{5}$ số học sinh cả lớp. Số học sinh trung bình bằng $\frac{3}{8}$ số học sinh còn lại.

- Tính số học sinh mỗi loại.
- Tính tỉ số % học sinh mỗi loại.

Bài 21: Hoa làm một số bài toán trong ba ngày. Ngày đầu bạn làm được $\frac{1}{3}$ số bài. Ngày thứ hai bạn làm được $\frac{3}{7}$ tổng số bài. Ngày thứ ba bạn làm nốt 5 bài. Trong ba ngày bạn Hoa làm được bao nhiêu bài?

Bài 22: An đọc sách trong 3 ngày. Ngày thứ nhất đọc $\frac{1}{3}$ số trang, ngày thứ hai đọc $\frac{5}{8}$ số trang còn lại, ngày thứ ba đọc nốt 90 trang. Tính số trang của cuốn sách?

Bài 23: Một cửa hàng bán một số mét vải trong ba ngày. Ngày thứ nhất bán $\frac{3}{5}$ số mét vải. ngày thứ 2 bán $\frac{2}{7}$ số mét vải còn lại. Ngày thứ 3 bán nốt 17m vải. Tính số mét vải của hàng đã bán.

Bài 24: Một khu đất hình chữ nhật có chiều dài là $\frac{3}{4}$ km , chiều rộng $\frac{5}{8}$ km

- Tính nửa chu vi của khu đất (bằng km).
- Chiều dài hơn chiều rộng bao nhiêu km ?

Bài 25: Khối 6 của một trường THCS có ba lớp với tổng số là 120 em. Biết số học sinh lớp 6A bằng $\frac{3}{10}$ số học sinh toàn khối. Số học sinh lớp 6B bằng $\frac{5}{4}$ số học sinh lớp 6A.

- Tính số học sinh lớp 6C ?
- Tính tỉ số phần trăm của số học sinh của mỗi lớp so với số học sinh của khối 6.
- Vẽ biểu đồ ô vuông biểu diễn các tỉ số phần trăm ở câu (b)

Bài 26: Trong một đợt lao động trồng cây, Lớp 6C được phân công trồng 200 cây. Số cây tổ I trồng được chiếm 40% tổng số cây cả lớp trồng. Số cây tổ II trồng bằng 81,25% số cây mà tổ I trồng. Tính số cây tổ III trồng được, biết rằng Lớp 6C chỉ có 3 tổ.

